

Số: 4049/QĐST-HNGĐ

Tp Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 640/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc: “Ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đức B**, sinh năm 1981;

CCCD số 054081012179 cấp ngày 16/02/2024 tại **Cục C** về TTXH

Địa chỉ: **Tổ A, Ấp G, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh**

Bị đơn: Bà **Trần Thị Hồng A**, sinh năm 1981;

CMND số 023129992 cấp ngày 22/8/2011 tại **Công an Thành phố H**

Địa chỉ: **536/15/24 L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông **Nguyễn Đức B** và bà **Trần Thị Hồng A**.

Giấy Chứng nhận kết hôn số 08 ngày 18/3/2019 do **Ủy ban nhân dân Phường A1, quận P (nay là phường P) Thành phố Hồ Chí Minh** cấp cho ông **Nguyễn Đức B** và bà **Trần Thị Hồng A** không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung: Ông B và bà A có 01 con chung tên Nguyễn Anh H, sinh ngày 12/4/2014. Hai bên thỏa thuận giao cho bà Hồng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ghi nhận việc bà Hồng A không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên khác trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

1.3 Về tài sản chung: Ông B và bà A khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Ông B và bà A khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5 Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng ông Nguyễn Đức B tự nguyện chịu nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008081 ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Trả lại cho ông Nguyễn Đức B số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự 2025.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV 5-TPHCM;
- THADS TPHCM (Phòng THADS KV5-TPHCM);
- UBND P.Phú Nhuận, TPHCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Minh Tâm